

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đoàn Thị Trang.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 131/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1970

Địa chỉ thường trú: Đường L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường U, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần N, sinh năm 1992

Địa chỉ: đường Đ, Phường S, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 006696, quyền số 03 TP/CC-SCC/NHGD ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Văn phòng công chứng Châu Á, Thành phố Hồ Chí Minh.)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Võ Thị A, sinh năm 1931

Địa chỉ: đường U, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Ánh H1, sinh năm 1959

Địa chỉ thường trú: đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường U, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen), sinh năm 1960

Địa chỉ: J # 29 W 94503 USA.

4. Bà Võ Thị Yên T, sinh năm 1964

Địa chỉ: đường U, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Những người tham gia tố tụng nêu trên đều có yêu cầu xin được vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu và Bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Võ Thị Thu H cùng trình bày:

Ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1), sinh năm 1931, chết năm 2020 sống không có đăng ký kết hôn với mẹ bà là bà Võ Thị A, sinh năm 1931 từ trước năm 1959 (xác định theo năm sinh của chị cả bà Nguyễn Ánh H1, sinh năm 1959). Trong quá trình sống chung, ông Ba và bà A có bốn người con là bà Nguyễn Ánh H1, sinh ngày 24/8/1959, ông Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen), sinh ngày 03/10/1960, bà Võ Thị Yến T, sinh ngày 24/6/1964 và bà Võ Thị Thu H, sinh ngày 11/01/1970.

Khi làm giấy khai sinh cho bà H1 và ông N1 thì thời điểm đó ông Ba và mẹ bà là bà A đã khai đầy đủ tên cha Nguyễn Văn T1 và tên mẹ là Võ Thị A vào giấy khai sinh. Theo giấy cam kết ngày 05 tháng 4 năm 2013 thì ông Nguyễn Văn B khai rằng trước năm 1960 ông tên là Nguyễn Văn T1, sau năm 1960 thì để trốn quân dịch nên ông lấy tên là Nguyễn Văn B đã được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận.

Ngày 12/01/1970, bà được làm giấy khai sinh tại Ủy ban nhân dân Quận S, được cấp trích lục khai sinh ngày 19/11/2018 theo Giấy khai sinh số 172 ngày 12/01/1970 nhưng phần cha không khai vì mẹ bà nói do chiến tranh và để trốn quân dịch nên khi làm khai sinh cho bà Võ Thị Yến T và cho bà Võ Thị Thu H thì không có để tên cha mà chỉ khai tên mẹ là bà Võ Thị A. Ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú cuối cùng tại nhà số 240/115 Đường L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay, bà yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết xác định ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1) là cha ruột của bà.

Theo Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1) sống chung từ năm 158 khi đó bà được 27 tuổi và không có đăng ký kết hôn. Bà và ông Ba sống chung tại địa chỉ 753 đường G, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình sống chung, bà và ông Ba có bốn người con chung là bà Nguyễn Ánh H1, sinh ngày 24/8/1959, ông Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen), sinh ngày 03/10/1960, bà Võ Thị Yến T, sinh ngày 24/6/1964 và bà Võ Thị Thu H, sinh ngày 11/01/1970. Bà và ông Ba lần lượt làm giấy khai sinh cho các con, trong đó chỉ có bà Nguyễn Ánh H1 và ông Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen) là giấy khai sinh khai đầy đủ cả tên cha là Nguyễn Văn T1 và tên mẹ là Võ Thị A, riêng giấy khai sinh của bà Võ Thị Yến T và bà Võ Thị Thu H chỉ khai tên mẹ còn phần tên cha thì bỏ trống. Việc làm giấy khai sinh cho bà T và bà H trống tên cha là do thời kỳ chiến tranh và phải trốn quân dịch nên chồng bà là ông Nguyễn Văn T1 cũng đổi tên thành Nguyễn Văn B.

Từ lúc làm khai sinh cho bà T và bà H đến nay thì chồng bà đều lấy tên Nguyễn Văn B sử dụng làm tên chính thức trên giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu. Trước khi sinh bà Võ Thị Thu H thì tên thật của chồng bà

là Nguyễn Văn T1, sau năm 1960 do trốn quân dịch nên chồng bà mới lấy tên là Nguyễn Văn B và sử dụng cho đến nay, bà xác nhận Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn B là cùng một người.

Hiện nay, chồng bà là ông Nguyễn Văn B đã mất phát sinh quyền thừa kế theo pháp luật tài sản mà chồng bà để lại là căn nhà số 240/115 Đường L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng do giấy khai sinh của bà T và bà H chỉ có tên mẹ không có tên cha, việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các con bà trong việc khai nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn B để lại. Bà không phản đối việc nhìn nhận lại cha con của con gái bà và Nguyễn Văn B, do đó bà đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết xác định ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 22/10/1931 là cha ruột của con gái bà là Võ Thị Thu H.

Theo Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ánh H1, ông Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen) trình bày:

Bà H1 và ông N1 là con của ông Nguyễn Văn T1 (Nguyễn Văn B) và mẹ là bà Võ Thị A, cha mẹ bà không có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ trước năm 1959. Trong quá trình sống chung cha mẹ ông bà có bốn người con là Nguyễn Ánh H1, sinh ngày 24/8/1959, Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen), sinh ngày 03/10/1960, Võ Thị Yến T, sinh ngày 24/6/1964 và Võ Thị Thu H, sinh ngày 11/01/1970. Thời điểm làm giấy khai sinh cho bà H1 và ông N1 thì vẫn khai đầy đủ tên cha là Nguyễn Văn T1 và tên mẹ là Võ Thị A, nhưng khi làm giấy khai sinh cho bà H và bà T thì ba của ông bà nhằm trốn quân dịch và đi lính nên việc khai sinh chỉ khai tên mẹ là Võ Thị A còn phần tên cha để trống. Việc cha của ông bà có tên Nguyễn Văn T1 mà sau này đổi thành Nguyễn Văn B là do ba của ông bà trốn quân dịch đi lính và từ đó cho đến nay ba của ông bà đều sử dụng tên Nguyễn Văn B làm tên chính trong giấy tờ chứng minh nhân dân hay hộ khẩu.

Nay, bà Võ Thị Thu H đề nghị xác nhận ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1) là cha ruột thì bà H1 và ông N1 cũng đồng ý và không có ý kiến nào khác.

Theo Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Yến T, trình bày:

Bà có mẹ là bà Võ Thị A, bà A và ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1) chung sống không có đăng ký kết hôn trước năm 1959. Mẹ bà với ông ba có bốn người con Nguyễn Ánh H1, sinh ngày 24/8/1959, Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen), sinh ngày 03/10/1960, Võ Thị Yến T, sinh ngày 24/6/1964 và Võ Thị Thu H, sinh ngày 11/01/1970. Trong đó, chỉ có bà H1 và ông N1 là giấy khai sinh đầy đủ cả tên cha là Nguyễn Văn T1 và tên mẹ là Võ Thị A, riêng giấy khai sinh của bà và bà H chỉ khai tên mẹ là Võ Thị A còn tên cha bỏ trống, việc khai như vậy là do thời kỳ chiến tranh trốn quân dịch đi lính nên không có khai tên ba của bà vào khai sinh và ông Nguyễn Văn T1 cũng đổi tên thành Nguyễn Văn B.

Nay, bà Võ Thị Thu H đề nghị xác nhận ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1) là cha ruột thì bà cũng đồng ý và không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý việc dân sự đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết việc dân sự, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thu H, xác định ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1) là cha ruột của bà Võ Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Võ Thị Thu H có đơn yêu cầu về việc “Xác định cha cho con”, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông Nguyễn Văn B là cha ruột của bà. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen) đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 10 Điều 29, Khoản 3 Điều 35 và Điểm b Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào Khoản 2 Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu nêu trên của bà Võ Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Người có yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu xin được giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[3] Về nội dung:

Căn cứ Đơn yêu cầu về việc xác định cha cho con ngày 28/4/2020 và Bản tự khai ngày 20/8/2020 của bà Võ Thị Thu H; Căn cứ Bản tự khai ngày 20/8/2020 của bà Võ Thị A, bà Nguyễn Ánh H1, bà Võ Thị Yến T; Căn cứ vào Bản tự khai ngày 17/8/2020 đã được Tổng Lãnh Sự Quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 16/9/2020 của ông Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen); Bà Võ Thị Thu H, bà Võ Thị A, bà Nguyễn Ánh H1, bà Võ Thị Yến T và ông Nguyễn Văn N1 (N V Nguyen) đều xác nhận ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1) là cha ruột của bà Võ Thị Thu H.

Căn cứ vào Bản kết luận Giám định pháp y về AND số 1.389-2020/AND ngày 08/12/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận là Võ Thị Thu H có cùng người cha với Nguyễn Ánh H1. Tại Giấy khai sinh bà Nguyễn Ánh H1 có khai tên mẹ là Võ Thị A và cha là Nguyễn Văn T1. Như vậy thì bà H và bà H1 có chung huyết thống cùng cha cùng mẹ nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thu H về việc yêu cầu xác nhận ông

Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1) là cha ruột theo quy định tại Điều 88, Điều 90 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm:

Do Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thu H nên bà H phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 10 Điều 29, Khoản 3 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 88, Điều 90, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Võ Thị Thu H như sau:

Xác định ông Nguyễn Văn B (Nguyễn Văn T1), sinh năm 1931; quốc tịch Việt Nam; đã chết ngày 23/02/2020 theo Giấy khai tử số 25 ngày 24/02/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng 240/115 Đường L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh là cha ruột của bà Võ Thị Thu H.

Bà Võ Thị Thu H phải thực hiện đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Võ Thị Thu H phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0092112 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TADN Tối cao;
- TADN Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (Linh/20b)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đoàn Thị Trang